

Số: 70/CV-DL
Về việc công bố thông tin BCTC năm
2023 đã được kiểm toán

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Mã chứng khoán: VTG
- Địa chỉ: 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 0254 3856446
- Email: ptckt@vungtautourist.com.vn Website: vungtautourist.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):
 - Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2024 tại đường dẫn: vungtautourist.com.vn

Tài liệu đính kèm:

- BCTC tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán
- BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán
- Văn bản giải trình số: 69 /CV-DL ngày 29/3/2024

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Thái Hoàng Thân

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 – 36



25
TY
ÁN
NA
HI

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: (0254) 385 6445
Fax: (0254) 385 6444
Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>
Email: info@vungtautourist.com

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND (một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tạm ngưng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	14/08/2023
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	14/08/2023
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	14/08/2023
Ông Trần Văn Phát	Thành viên	14/08/2023
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	14/08/2023

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	14/08/2023	-
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	14/08/2023	-
Bà Huỳnh Hồng Thảo	Thành viên	14/08/2023	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	20/10/2017	14/08/2023

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Số: 24/2024/BCKT-HCM.00768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể:
 - Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND cho diện tích sử dụng kinh doanh là 54.171,10 m² tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân.
 - Đồng thời, Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.

Báo cáo tài chính tổng hợp chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 157.680.356.119 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính tổng hợp thì chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng và giảm tương ứng.

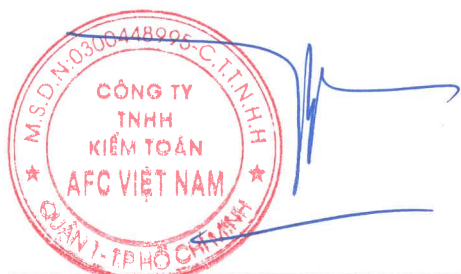
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

- Như được nêu tại Thuyết minh 5.10 – Khoản đầu tư vào công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong đang kiến nghị khoản truy thu tiền thuê đất theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các Quyết định số 173/QĐ-TTr và 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thủy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đai liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà Công ty đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND và khoản tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 chưa được ghi nhận lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào công ty con cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.



NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2024-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.179.401.621	82.716.903.443
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.784.072.808	3.727.562.530
Tiền	111		2.223.819.392	3.727.562.530
Các khoản tương đương tiền	112		1.560.253.416	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.511.940.169	55.203.576.867
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	53.511.940.169	55.203.576.867
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.114.480.869	6.795.302.826
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.760.897.424	22.196.550.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.849.826.881	1.420.531.725
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	7.468.414.093	6.986.498.623
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(24.964.657.529)	(23.808.277.968)
Hàng tồn kho	140		736.415.268	958.284.889
Hàng tồn kho	141	5.7	736.415.268	958.284.889
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.032.492.507	16.032.176.331
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	194.025.532	194.387.567
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	15.838.466.975	15.831.788.764
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		121.150.533.566	131.482.710.241
Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	26.184.672.956	31.792.393.549
Nguyên giá	222		127.219.997.051	130.360.313.777
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.035.324.095)	(98.567.920.228)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	92.603.095.221	98.079.020.310
Đầu tư vào công ty con	251		47.664.335.615	47.664.335.615
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.190.000.000	1.190.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		62.967.614.431	62.967.614.431
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.218.854.825)	(13.742.929.736)
Tài sản dài hạn khác	260		1.862.765.389	1.111.296.382
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1.862.765.389	1.111.296.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.329.935.187	214.199.613.684

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		46.377.906.166	51.014.781.299
Nợ ngắn hạn	310		32.096.364.903	36.563.240.036
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.356.039.852	1.233.381.641
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	221.922.690	267.944.055
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	21.093.111.192	25.285.067.727
Phải trả người lao động	314		676.020.226	869.566.421
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		178.935.972	239.183.698
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		38.181.815	60.909.047
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13.1	2.099.931.494	2.381.848.326
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	6.270.190.951	6.063.308.410
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		162.030.711	162.030.711
Nợ dài hạn	330		14.281.541.263	14.451.541.263
Phải trả dài hạn khác	337	5.13.2	229.198.650	399.198.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	14.052.342.613	14.052.342.613
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.952.029.021	163.184.832.385
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	154.952.029.021	163.184.832.385
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(42.731.280.698)	(34.498.477.334)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(34.498.477.334)	(61.618.876.591)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(8.232.803.364)	27.120.399.257
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.329.935.187	214.199.613.684

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

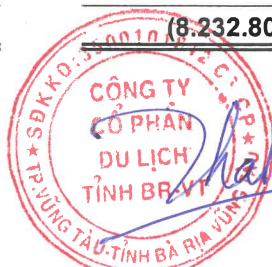
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	33.088.197.695	48.813.533.564
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		33.088.197.695	48.813.533.564
Giá vốn hàng bán	11	6.2	22.800.253.913	26.744.300.176
Lợi nhuận gộp	20		10.287.943.782	22.069.233.388
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.602.045.086	19.442.997.729
Chi phí tài chính	22	6.4	5.475.935.089	(13.051.827.701)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	4.855.863.515	7.136.649.753
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.311.348.394	20.366.049.877
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(9.753.158.130)	27.061.359.188
Thu nhập khác	31	6.7	1.587.861.930	124.218.041
Chi phí khác	32		67.507.164	65.177.972
Lợi nhuận khác	40		1.520.354.766	59.040.069
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.232.803.364)	27.120.399.257
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.232.803.364)	27.120.399.257

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THAI HOÀNG THÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

110
ĐĂNG
CỐ P
DU L
TỈNH
TÀU

M.S.N
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(8.232.803.364)	27.120.399.257
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	5.444.209.727	5.957.224.592
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.6; 5.10	6.632.304.650	(11.452.341.830)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(40.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3; 6.7	(5.666.038.609)	(19.281.419.583)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1.822.327.596)	2.343.822.436
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		69.722.135	1.818.264.711
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		221.869.621	(58.178.389)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(5.006.757.674)	(5.244.583.425)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(751.106.972)	(80.932.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.288.600.486)	(1.221.606.941)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(30.909.091)	(85.454.546)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		421.611.818	610.773.800
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.685.058.513)	(82.213.768.648)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		61.376.695.211	52.060.191.781
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.664.865.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.055.888.798	3.802.072.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.138.228.223	2.838.680.335
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	5.15.1	206.882.541	252.834.129
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.293.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		206.882.541	(10.041.095.871)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	3.727.562.530	12.151.545.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	40.000
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	3.784.072.808	3.727.562.530


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND (một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán:	VTG
Sàn giao dịch:	UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;



44
CÔNG
NH
TỔ
ỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quảng cáo;
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác; và
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Cấu trúc Công ty

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty con					
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 20/03/2023	50,07%	50,07%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19/09/2019	96,18%	96,18%	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28/07/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn GTGT, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong ngừng hoạt động kinh doanh bắt đầu từ ngày 01/08/2022 theo thông báo số 25/TB-DLNP ngày 31/07/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty con (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

Công ty liên kết

Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3501454916 ngày 28/08/2009	35,00%	35,00%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.
--	---	-------------------------------	--------	--------	---

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khdu lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu - Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định tạm ngưng hoạt động của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trong năm 2018 và Chi nhánh Vũng Tàu trong năm 2019 do kinh doanh hiệu quả thấp, lỗ liên tiếp nhiều năm.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 73 người (tại ngày 31/12/2022 là 102 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không năm hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, internet, chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng đã ký kết.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	03 - 05

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



0300

KIỂM
TOÁN

1/27

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

500
CÔP
CỔ
DI
TINH
TÀU
489
NG
HH
TO
ETI
C

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Công ty con
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	322.830.662	436.941.812
Tiền mặt tồn quỹ - USD	-	2.338.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.900.988.730	3.283.009.456
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	-	5.273.262
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng - VND	1.560.253.416	-
	3.784.072.808	3.727.562.530

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng đến dưới 1 năm		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	25.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	22.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Vũng Tàu	6.011.940.169	33.203.576.867
	53.511.940.169	55.203.576.867

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	5.428.508.862
Các khách hàng khác	9.879.780.738	10.315.433.760
	21.760.897.424	22.196.550.446

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước của các nhà cung cấp khác		
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Du lịch Long Thái Hà	168.181.818	168.181.818
Các nhà cung cấp khác	540.648.474	111.353.318
	1.849.826.881	1.420.531.725

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị	31/12/2023	Giá trị	01/01/2023
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
		VND		VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu các đối tượng khác				
Tạm ứng cho nhân viên	1.764.320.685	(1.195.270.685)	1.730.270.685	(1.195.270.685)
BHXH nộp thừa	22.398.178	-	23.399.233	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.415.374.117	-	1.327.356.167	-
Công ty cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	573.709.425	-	115.769.425	-
Phải thu khác	3.682.186.688	(2.953.665.905)	3.779.278.113	(2.953.665.905)
	7.468.414.093	(4.148.936.590)	6.986.498.623	(4.148.936.590)

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị	31/12/2023	Giá trị	01/01/2023
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
		VND		VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
	500.000.000	-	500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng		19.857.455.624	(19.432.223.714)	19.826.804.224	(18.292.344.153)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)	107.732.930	(107.732.930)
Công ty TNHH TM DV KT Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	1 - 3 năm	5.428.508.862	(5.027.379.952)	5.428.508.862	(3.907.946.191)
Các khách hàng khác		4.712.560.581	(4.688.457.581)	4.681.909.181	(4.668.011.781)
Phải thu khác		4.203.936.590	(4.165.436.590)	4.148.936.590	(4.148.936.590)
Trả trước cho người bán		1.366.997.225	(1.366.997.225)	1.366.997.225	(1.366.997.225)
		25.428.389.439	(24.964.657.529)	25.342.738.039	(23.808.277.968)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	23.808.277.968	21.952.234.097
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng trong năm	1.156.379.561	1.856.043.871
Số dư cuối năm	24.964.657.529	23.808.277.968

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	320.146.663	-	454.513.770	-
Công cụ, dụng cụ	100.337.384	-	160.535.202	-
Hàng hóa	315.931.221	-	343.235.917	-
	736.415.268	-	958.284.889	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.689.999	73.965.253
Chi phí sửa chữa	31.363.963	81.481.247
Chi phí khác	83.971.570	38.941.067
	194.025.532	194.387.567

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	524.699.983	318.070.805
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	1.137.420.173	448.770.919
Chi phí trả trước dài hạn khác	200.645.233	344.454.658
	1.862.765.389	1.111.296.382

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, đồ dùng quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	115.198.844.146	9.225.455.036	4.205.748.454	642.394.833	1.087.871.308	130.360.313.777
Mua trong năm	-	193.909.091	-	-	-	193.909.091
Thanh lý	(1.944.497.727)	(162.344.545)	(1.058.083.545)	-	(169.300.000)	(3.334.225.817)
Số dư cuối năm	113.254.346.419	9.257.019.582	3.147.664.909	642.394.833	918.571.308	127.219.997.051
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	84.719.197.063	8.577.543.701	3.552.293.973	631.014.183	1.087.871.308	98.567.920.228
Khấu hao trong năm	4.968.557.821	206.435.116	257.836.140	11.380.650	-	5.444.209.727
Thanh lý	(1.604.192.395)	(145.229.920)	(1.058.083.545)	-	(169.300.000)	(2.976.805.860)
Số dư cuối năm	88.083.562.489	8.638.748.897	2.752.046.568	642.394.833	918.571.308	101.035.324.095
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	30.479.647.083	647.911.335	653.454.481	11.380.650	-	31.792.393.549
Số dư cuối năm	25.170.783.930	618.270.685	395.618.341	-	-	26.184.672.956

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng

Số dư đầu năm	12.783.598.599	5.432.218.218	1.787.953.000	588.940.287	1.087.871.308	21.680.581.412
Số dư cuối năm	21.625.163.599	7.869.619.582	729.869.455	642.394.833	918.571.308	31.785.618.777

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con					
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	[a] 9.868.495.615	-	(*)	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	[b] 37.795.840.000	(7.326.910.229)	(*)	(3.318.359.908)	(*)
	47.664.335.615	(7.326.910.229)		(3.318.359.908)	
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	[c] 1.190.000.000	(1.190.000.000)	(*)	(1.190.000.000)	(*)
	1.190.000.000	(1.190.000.000)		(1.190.000.000)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	[d] 13.000.000.000	(200.862.504)	(*)	(1.434.782.561)	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	(2.054.861.323)	(*)	-	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	9.390.560.000	-	(*)	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	(1.007.500.595)	(*)	(337.425.568)	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	[e] 2.784.000.000	(2.784.000.000)	(*)	(2.784.000.000)	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)	(1.169.190.000)	(*)
Công ty cổ phần San Hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	(800.000.000)	(*)	(800.000.000)	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	800.000.000	(34.619.319)	(*)	(34.619.319)	(*)
Công ty TNHH Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	500.000.000	(198.538.078)	(*)	(222.179.603)	(*)
	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)	(2.452.372.777)	(*)
	62.967.614.431	(10.701.944.596)		(62.967.614.431)	
	111.821.950.046	(19.218.854.825)		(11.821.950.046)	

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	13.742.929.736	27.051.315.437
Trích lập trong năm	5.475.925.089	2.069.529.925
Hoàn nhập trong năm	-	(15.377.915.626)
Số dư cuối năm	<u>19.218.854.825</u>	<u>13.742.929.736</u>

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

[a] Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 20 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000.000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.

[b] Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.795.840.000 VND, tương đương 96,18% vốn điều lệ.

Theo báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận khoản truy thu tiền thuê đất theo Kết luận Thanh tra số 261/QĐ-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các Quyết định số 173/QĐ-TTr và 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thủy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND; và khoản tiền thuê đất năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 chưa được ghi nhận lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND.

Theo đó, Công ty chỉ trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa bao gồm các khoản truy thu và các thông báo tạm nộp tiền thuê đất nêu trên.

Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28/07/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn GTGT, do đó Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong ngừng hoạt động kinh doanh bắt đầu từ ngày 01/08/2022 theo thông báo số 25/TB-DLNP ngày 31/07/2022.

[c] Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454961 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02 tháng 8 năm 2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[d] Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 350.000.000.000 VND. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31/12/2023 là 13.000.000.000 VND tương ứng với 3,71% vốn điều lệ.

[e] Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02 tháng 6 năm 2014 về việc thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Công ty có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 31/12/2023

	Vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư		Tình hình góp vốn của Công ty	
	VND	VND	Vốn đã góp đến 31/12/2023 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2023 VND
Công ty liên kết				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
5.11 Phải trả người bán ngắn hạn				
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	212.601.378	212.601.378	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phượng	155.673.200	155.673.200	-	-
Các nhà cung cấp khác	987.765.274	987.765.274	1.233.381.641	1.233.381.641
	1.356.039.852	1.356.039.852	1.233.381.641	1.233.381.641
5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
			31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước của các khách hàng khác				
Các khách hàng khác			221.922.690	267.944.055
			221.922.690	267.944.055
5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác				
5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác				
			31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT			15.195.727	15.195.727
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN			91.337.118	77.571.789
Cổ tức phải trả (năm 2011)			38.461.800	38.461.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn			625.850.000	630.850.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác			1.329.086.849	1.619.769.010
			2.099.931.494	2.381.848.326
5.13.2 Phải trả dài hạn khác				
			31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả các bên liên quan				
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - phải trả khác			249.800	249.800
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			228.948.850	398.948.850
			229.198.650	399.198.650

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	34.716.671	2.060.425.578	(1.955.979.731)	-	139.162.518
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.146.087	-	-	-	308.146.087	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.821.139	175.748.620	(202.247.970)	6.678.211	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	15.523.642.677	25.172.200.069	3.098.654.493	(7.325.872.539)	15.523.642.677	20.944.982.023
(i.a)	-	25.172.200.069	3.098.654.493	(7.325.872.539)	-	20.944.982.023
(i.b)	15.523.642.677	-	-	-	15.523.642.677	-
Các loại thuế khác	-	55.115.537	110.333.054	(159.696.251)	-	5.752.340
. Thuế đất phi nông nghiệp	-	52.896.435	-	(52.896.435)	-	-
. Thuế khác	-	2.219.102	103.333.054	(99.799.816)	-	5.752.340
. Lệ phí môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	15.831.788.764	25.285.067.727	5.445.161.745	(9.643.796.491)	15.838.466.975	21.093.111.192

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước của Công ty là 8% - 10%.

Thuế nhà đất, tiền thuế đất

(i.a) Chi tiết tiền thuế đất, tiền thuế cơ sở hạ tầng (Xem thuyết minh số 8.2)

Trong năm, Công ty ghi nhận chi phí tiền thuế đất tại lô bãi tắm Thùy Vân số tiền 981.872.920 VND.

(i.b) Năm 2021, Công ty bị cưỡng chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng số tiền 15.523.642.677 VND theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV ngày 12/04/2021 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
5.15.1 Vay ngắn hạn				
<i>Vay bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	6.270.190.951	6.270.190.951	6.063.308.410	6.063.308.410
	6.270.190.951	6.270.190.951	6.063.308.410	6.063.308.410

5.15.2 Vay dài hạn

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613

Thông tin chi tiết các khoản vay

Vay ngắn hạn - Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân

	Số tiền vay
Hợp đồng vay ngày 20 tháng 12 năm 2017	5.023.136.704 VND
Hợp đồng vay số 10/2020/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2020	787.337.577 VND
Hợp đồng vay số 02/2022/HĐCV.DLVT ngày 30/06/2022	80.104.031 VND
Hợp đồng vay số 10/2022/HĐCV.DLVT ngày 31/12/2022	172.730.098 VND
Hợp đồng vay số 06/2023/HĐCV.DLTV ngày 30/06/2023	57.576.699 VND
Hợp đồng vay số 16/2023/HĐCV.DLTV ngày 29/12/2023	149.305.842 VND
Mục đích:	Bổ sung vốn hoạt động.
Thời hạn vay:	Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.
Lãi suất vay:	0,0%/năm.

Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoanh nợ.

Tình hình biến động các khoản vay trong năm

	01/01/2023	Vay trong năm	Thanh toán nợ vay trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn bên liên quan				
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	6.063.308.410	206.882.541	-	6.270.190.951
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	20.115.651.023	206.882.541	-	20.322.533.564

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	186.445.000.000	11.238.309.719	(61.618.876.591)	136.064.433.128
Lãi trong năm	-	-	27.120.399.257	27.120.399.257
Tại ngày 31/12/2022	186.445.000.000	11.238.309.719	(34.498.477.334)	163.184.832.385
Tại ngày 01/01/2023	186.445.000.000	11.238.309.719	(34.498.477.334)	163.184.832.385
Lỗ trong năm	-	-	(8.232.803.364)	(8.232.803.364)
Tại ngày 31/12/2023	186.445.000.000	11.238.309.719	(42.731.280.698)	154.952.029.021

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND (một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	31/12/2023		Số cổ phần	01/01/2023	
		Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ (%) %		Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ (%) %
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88	10.978.400	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12	7.666.100	76.661.000.000	41,12
	18.644.500	186.445.000.000	100,00	18.644.500	186.445.000.000	100,00

5.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2023 VND	2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	186.445.000.000	186.445.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	186.445.000.000	186.445.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.17.4 Cổ phiếu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500 18.644.500	18.644.500 18.644.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>	18.644.500 18.644.500	18.644.500 18.644.500

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Dollar Mỹ (USD)	-	232,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	29.662.968.445	46.489.158.890
Doanh thu dịch vụ lữ hành	3.425.229.250	2.324.374.674
Cộng	33.088.197.695	48.813.533.564

6.2 Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	19.692.433.439	24.235.887.612
Doanh thu dịch vụ lữ hành	3.107.820.474	2.508.412.564
	22.800.253.913	26.744.300.176

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	4.598.252.748	2.996.669.962
Lãi cho vay	-	4.228.767
Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	-	10.381.423.000
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt	-	5.530.000.000
Cổ tức được chia	1.003.594.000	530.636.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	198.338	40.000
	5.602.045.086	19.442.997.729

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.4 Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt	-	226.558.000
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	5.475.925.089	(13.308.385.701)
Chi phí khác	10.000	30.000.000
	5.475.935.089	(13.051.827.701)

6.5 Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	2.253.722.303	2.536.930.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.121.865	1.609.668.267
Chi phí khác	1.168.019.347	2.990.051.338
	4.855.863.515	7.136.649.753

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	9.415.660.228	10.235.839.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.449.643	1.030.030.025
Chi phí thuê đất	826.664.377	4.794.776.391
Chi phí khác	4.119.574.146	4.305.403.778
	15.311.348.394	20.366.049.877

6.7 Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	64.191.861	95.019.854
Tiền thuê đất năm 2022 được giảm	1.504.852.497	-
Thu nhập khác	18.817.572	29.198.187
	1.587.861.930	124.218.041

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(8.232.803.364)	27.120.399.257
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế TNDN		
Chi phí không được trừ	2.429.118.588	2.944.834.770
Thu nhập được miễn thuế	(2.508.446.497)	(530.636.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(8.312.131.273)	29.534.598.027
Chuyển lỗ	-	(29.534.598.027)
Thu nhập tính thuế	(8.312.131.273)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.214.262.101	8.718.875.504
Chi phí nhân viên	14.757.842.269	15.696.826.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.444.209.727	5.957.224.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.199.533.668	17.034.698.508
Chi phí khác	5.351.618.057	6.839.374.412
	42.967.465.822	54.246.999.806

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

7.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro về lãi suất

Công ty quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.



7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản nợ gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán	1.356.039.852	-	-	1.356.039.852
Các khoản vay	6.270.190.951	-	14.052.342.613	20.322.533.564
Phải trả khác, chi phí phải trả	2.187.530.348	229.198.650	-	2.416.728.998
	9.813.761.151	229.198.650	14.052.342.613	24.095.302.414
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán	1.233.381.641	-	-	1.233.381.641
Các khoản vay	6.063.308.410	-	14.052.342.613	20.115.651.023
Phải trả khác, chi phí phải trả	2.543.460.235	399.198.650	-	2.942.658.885
	9.840.150.286	399.198.650	14.052.342.613	24.291.691.549

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	31/12/2023 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	Giá trị hợp lý 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
- Phải thu khách hàng	2.328.673.710	3.904.206.293	2.328.673.710	3.904.206.293
- Phải thu khác	3.280.579.325	2.814.162.800	3.280.579.325	(1.334.773.790)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	53.511.940.169	55.203.576.867	53.511.940.169	55.203.576.867
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.265.669.835	53.733.044.603	52.265.669.835	53.733.044.603
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.784.072.808	3.727.562.530	3.784.072.808	3.727.562.530
	115.170.935.847	119.382.553.093	115.170.935.847	115.233.616.503
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
- Phải trả người bán	1.356.039.852	1.233.381.641	1.356.039.852	1.233.381.641
- Các khoản vay	20.322.533.564	20.115.651.023	20.322.533.564	20.115.651.023
- Phải trả khác	2.416.728.998	2.942.658.885	2.416.728.998	2.942.658.885
	24.095.302.414	24.291.691.549	24.095.302.414	24.291.691.549

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty nắm giữ tài sản bảo đảm của các bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 854.798.850 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.029.798.850 VND.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thủ lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	2023 VND	2022 VND
Ông Thái Hoàng Thân	468.600.000	439.400.000
Ông Lê Chí Toàn	316.800.000	320.400.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	293.812.500	295.812.500
	1.079.212.500	1.055.612.500

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.1.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	2023 VND	2022 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	193.273.980	-
Lãi cho vay	-	4.228.767
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Vay ngắn hạn	206.882.541	252.834.129
Cổ tức, lợi nhuận được chia	545.654.000	530.636.000

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Vay ngắn hạn	(6.270.190.951)	(6.063.308.410)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm		
Phải thu thương mại	107.732.930	107.732.930
Phải thu khác	10.425.000	10.425.000
Phải trả khác	(15.195.727)	(15.195.727)
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Phải trả người bán	(212.601.378)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Công ty đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Tiền thuê đất phải nộp

Từ năm 2006 đến 31/12/2017

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh Tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, cụ thể:

Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	107.498.702.141 3.658.061.609	16.399.423.990 -	91.099.278.151 3.658.061.609
Cộng [a]	111.156.763.750	16.399.423.990	94.757.339.760

Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu (diện tích 54.171,10 m²) cho năm tài chính từ 2018 đến 2021 như sau:

	Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9774/TB- CCTKV ngày 29/12/2021 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018	15.015.061.246 (2.694.982.025)	2.945.618.760	9.374.460.461
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019; 10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019	21.021.085.744 (3.772.974.835)	2.945.618.760	14.302.492.149
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020	26.306.584.390 (4.721.600.533)	2.945.618.760	18.639.365.097
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391 (2.754.266.979)	2.945.618.760	20.606.698.652
Cộng [b]	88.649.315.771	(13.943.824.372)	11.782.475.040	62.923.016.359
Tổng cộng [a] + [b]	199.806.079.521	(13.943.824.372)	28.181.899.030	157.680.356.119

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07/12/2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01/01/2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22/12/2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau ngày 01/01/2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát 13.028,30 m²).

Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 13.943.824.372 VND.

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 3231/46/TB-CCTKV ngày 05/04/2023 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo, tiền thuê đất của lô 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu và lô Mũi Nghinh Phong, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu lần lượt là 3.125.184.382 VND và 5.601.899.079 VND. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận phần tiền thuê đất của lô 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu do Công ty đã bàn giao đất lại theo quyết định thi hành án số 454/QĐ-CTHADS ngày 16/07/2021 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và lô Mũi Nghinh Phong, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu đã thu hồi theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THAI HOANG THÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

